

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/ DS-ST

Ngày: 08 - 6 - 2021

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 895/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Trương Ngọc Qu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th - Giám đốc

Địa chỉ: Số 37, đường Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Ông Nguyễn Văn Th ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 353, đường Nguyễn Đáng, khóm 10, phường 7, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2020.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Đồng Kh, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKKHTT: Ấp Định Hòa, xã Long Thới, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: Ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

2. Bà Lưu Thị O, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Ấp Định Hòa, xã Long Thới, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: Ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trương Ngọc Qu, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 6, phường 8, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu (là nguyên đơn) như sau:

Công ty TNHH Trương Ngọc Qu (viết tắt là Công ty) có mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc cho ông Nguyễn Đồng Kh và bà Lưu Thị O. Ngày 10/09/2015 Công ty có xác nhận công nợ với ông Kh, bà O với số tiền nợ là 232.858.000 đồng, ông Nguyễn Đồng Kh có ký tên vào biên nhận nợ. Đến ngày 01/10/2015 Công ty tiếp tục xác nhận công nợ với ông Kh, bà O và bà Lưu Thị O có ký tên và ghi dòng chữ “còn nợ chị Qu 142.858.000 đồng” (bà Qu là vợ ông Nguyễn Văn Th – Giám đốc công ty). Sau đó, ông Kh, bà O trả cho Công ty được 30.000.000 đồng và còn nợ lại 112.858.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện Công ty TNHH Trương Ngọc Qu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đồng Kh và bà Lưu Thị O phải trả cho Công ty số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ lại là 112.858.000 đồng. Tuy nhiên trước đây Công ty TNHH Trương Ngọc Qu có hợp đồng ủy quyền cho Công ty TNHH Xử lý nợ T V thu hồi số nợ này và đã thu hồi được số tiền 47.000.000 đồng. Vào ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa công ty TNHH Trương Ngọc Qu và Công ty TNHH Xử lý nợ T V đã chấm dứt Hợp đồng thu hồi nợ do Công ty Xử lý nợ Tr V đã chấm dứt hoạt động.

Nay Công ty TNHH Trương Ngọc Qu đồng ý khấu trừ số tiền 47.000.000 đồng theo chứng từ mà ông Kh, bà O cung cấp. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Kh, bà O trả cho Công ty số tiền còn nợ lại là 65.858.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện Công ty TNHH Trương Ngọc Qu yêu cầu ông Kh, bà O trả tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 1,24%/tháng. Tại phiên tòa đại diện Công ty yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán 10%/năm từ ngày 01/10/2015 đến khi xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền 47.000.000 đồng Công ty xử lý nợ T V chưa bàn giao lại cho Công ty TNHH Trương Ngọc Qu nhưng Công ty không yêu cầu Tòa án phải giải quyết đối với Công ty xử lý nợ Tr V trong vụ án này.

- Bà Lưu Thị O là bị đơn trình bày:

Vào khoảng từ năm 2010 đến năm 2014 bà O và ông Nguyễn Đồng Kh có mua thức ăn chăn nuôi lợn (heo) tại Công ty TNHH Trương Ngọc Qu. Do việc chăn nuôi thua lỗ nên bà O, ông Kh có nợ thức ăn của Công ty nên vào ngày 10/09/2015 Công ty có xác nhận công nợ với ông Kh, bà O với số tiền nợ là

232.858.000 đồng, ông Nguyễn Đồng Kh có ký tên vào biên nhận nợ. Bà O, ông Kh có tiếp tục trả được một phần nợ, tính đến ngày 01/10/2015 số nợ còn lại là 142.858.000 đồng. Năm 2013 bà O và ông Kh ly hôn đã thỏa thuận với nhau về việc bà O có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này cho Công ty tuy nhiên việc thỏa thuận này chỉ bằng lời nói không lập thành văn bản gì cả.

Trước đây Công ty TNHH Trương Ngọc Qu đã ủy quyền cho Công ty TNHH Xử lý nợ T V đến thu hồi nợ, bà Oanh có yêu cầu Công ty TNHH Xử lý nợ T V giảm cho bà số vốn 22.858.000 đồng, còn nợ lại là 90.000.000 đồng. Bà O tiếp tục trả cho công ty TNHH Trương Ngọc Qu nhiều lần với tổng số tiền 47.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 43.000.000 đồng do công việc làm ăn gặp khó khăn nên bà O chưa trả cho công ty. Nay bà O không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu.

- Ông Nguyễn Đồng Kh là bị đơn vắng mặt nhưng có cung cấp văn bản với nội dung như sau:

Trước khi ly hôn với bà Lưu Thị O thì ông Kh và bà O có mua bán thức ăn của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu để chăn nuôi gia súc.

Đến ngày 20/9/2013 ông Kh và bà O thuận tình ly hôn theo quyết định số 133/2013/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện T C. Ông Kh và bà O thống nhất với nhau để lại lợn (heo) cho bà O nuôi và việc mua bán thức ăn gia súc do bà O giao dịch thì bà O có trách nhiệm trả nợ. Nay ông Kh không đồng ý trả nợ cho Công ty TNHH Trương Ngọc Qu.

- Bà Trương Ngọc Qu là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có cung cấp văn bản như sau:

Trước đây Công ty TNHH Trương Ngọc Qu có ký kết hợp đồng ủy quyền cho Công ty TNHH xử lý nợ T V để thu hồi số tiền nợ của bà O, ông Kh. Nay giữa công ty TNHH Trương Ngọc Qu và Công ty xử lý nợ T V đã chấm dứt Hợp đồng thu hồi nợ do Công xử lý nợ T V đã chấm dứt hoạt động.

Bà Qu thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu đồng ý khấu trừ số tiền 47.000.000 đồng theo chứng từ mà ông Kh, bà O cung cấp. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Kh, bà O trả cho Công ty số tiền còn nợ lại là 65.858.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán từ ngày 01/10/2015 đến khi xét xử sơ thẩm.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu. Buộc ông Nguyễn Đồng Kh và bà Lưu Thị O phải trả cho Công ty TNHH Trương Ngọc Qu số tiền 65.858.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/10/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất bằng 10%/năm.

Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn 47.000.000 đồng nên đề nghị đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện này.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH Trương Ngọc Qu khởi kiện ông Nguyễn Đồng Kh và bà Lưu Thị O để yêu cầu trả tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Đồng Kh, bà Trương Ngọc Qu có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đồng Kh và bà Trương Ngọc Qu.

Căn cứ Công văn số 03/ĐKKD ngày 13/01/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh về việc cung cấp tình trạng pháp lý của Công ty TNHH Xử lý nợ T V thì Công ty này đã không còn hoạt động kinh doanh kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2019. Đồng thời theo Thông báo ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Công ty TNHH Trương Ngọc Qu thì giữa Công ty TNHH Trương Ngọc Qu và Công ty TNHH Xử lý nợ T V đã chấm dứt hợp đồng ủy quyền thu hồi nợ. Đối với số tiền 47.000.000 đồng mà Công ty xử lý nợ T V đã thu hồi từ bà Lưu Thị O cũng đã được Công ty TNHH Trương Ngọc Qu chấp nhận khấu trừ vào số nợ của bà O, ông Kh đã thiếu. Giữa Công ty TNHH Trương Ngọc Qu và Công ty xử lý nợ T V hiện không có tranh chấp với nhau về số tiền thu hồi nợ. Do đó Tòa án xét thấy không cần thiết phải đưa Công ty TNHH xử lý nợ T V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nữa vì không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa đại diện Công ty TNHH Trương Ngọc Qu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đồng Kh và bà Lưu Thị O trả số tiền 65.858.000 đồng và tiền chậm thanh toán từ ngày 01/10/2015 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu, Hội đồng xét xử thấy rằng giao dịch mua bán thức ăn nuôi gia súc giữa Công ty TNHH Trương Ngọc Qu với ông Nguyễn Đồng Kh và bà Lưu Thị O là có thật. Khi mua bán hai bên có đối chiếu công nợ thì thống nhất với nhau về số tiền còn nợ, ông Kh, bà O có ký tên vào Bản quyết toán công nợ. Bà O cũng không yêu cầu phải giám định các chữ ký trong các Bản quyết toán công nợ mà phía nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên bà Lưu Thị O chỉ thừa nhận còn nợ số tiền vốn là 43.000.000 đồng và không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét thấy tại bản cam kết trả nợ ngày 22/9/2018 (bút lục 23) bà O có đề nghị Công ty TNHH xử lý nợ T V làm việc với chủ nợ giảm số tiền nợ là 22.858.000 đồng. Tuy nhiên Công ty TNHH xử lý nợ T V chỉ là người nhận ủy quyền thu hồi nợ, phạm vi ủy quyền thu hồi nợ theo Hợp đồng ngày 31/7/2018 không có điều khoản để Công ty xử lý nợ có quyền tự ý giảm số tiền nợ phải thu hồi. Đồng thời Công ty TNHH Trương Ngọc Qu cũng không có ý kiến đồng ý giảm số tiền nợ 22.858.000 đồng cho bà O, ông Kh. Do đó việc bà Lưu Thị O nại ra lý do này để yêu cầu giảm bớt số tiền nợ phải trả là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Theo đơn khởi kiện Công ty TNHH Trương Ngọc Qu yêu cầu bà O, ông Kh phải trả số tiền 112.858.000 đồng, tuy nhiên bà O đã cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả được 47.000.000 đồng. Nay Công ty TNHH Trương Ngọc Qu tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 47.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phần yêu cầu này của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu. Đối với số tiền nợ vốn còn lại là 65.858.000 đồng mà Công ty TNHH Trương Ngọc Qu yêu cầu bà O, ông Kh phải trả là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán: Xét thấy bà O, ông Kh khi mua bán tài sản đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có thật, điều này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu. Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu tính tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10% /năm là có cơ sở chấp nhận và được tính cụ thể như sau:

Thời gian từ ngày 01/10/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/6/2021) là 05 năm 08 tháng 06 ngày: $(65.858.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ năm} \times 10\%/năm) + (65.858.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng) + (65.858.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ ngày} \times 0,03\%/ngày) = 32.929.000 \text{ đồng} + 4.372.971 \text{ đồng} + 118.544 \text{ đồng} = 37.420.515 \text{ đồng}.$

[7] Xét yêu cầu của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu về việc buộc ông Nguyễn Đồng Kh và bà Lưu Thị O phải cùng có nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng tại bản tự khai của ông Kh (Bút lục số 34) thì trước khi ly hôn với bà

Lưu Thị O, ông Kh và bà O có mua thức ăn chăn nuôi gia súc của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu. Đến năm 2013 ông Kh và bà O ly hôn với nhau. Tuy nhiên tại Quyết định số 133/2013/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện T C về công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Kh, bà O không có giải quyết vấn đề về tài sản và nợ chung do bà O, ông Kh không có yêu cầu. Bà O có lời khai (bút lục số 40) tại thời điểm mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc với Công ty TNHH Trương Ngọc Qu thì ông Kh biết vì vợ chồng còn chung sống, mục đích chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình, hiện nay ông Kh và bà O vẫn còn sống chung với nhau. Đồng thời bà O khẳng định ông Nguyễn Đồng Kh có ký vào văn bản xác nhận công nợ ngày 10/09/2015 (sau khi ly hôn với bà Oanh) với số tiền 232.858.000 đồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định đây là nghĩa vụ chung của bà O và ông Kh nên cần buộc bà O và ông Kh phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ cho Công ty TNHH Trương Ngọc Qu là phù hợp với các điều 60, 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Từ những phân tích trên xét thấy cần buộc ông Kh, bà O phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Trương Ngọc Qu số tiền vốn 65.858.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 37.420.515 đồng, tổng cộng là 103.278.515 đồng.

[9] Về án phí: Do Công ty TNHH Trương Ngọc Qu được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đối với bà Lưu Thị O có đơn xin miễn, giảm án phí, tuy nhiên căn cứ vào Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì trường hợp của bà Oanh không được miễn, giảm nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm. Do đó căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc ông Kh, bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Từ những cơ sở trên xét thấy quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 281, 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các điều 228, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu. Buộc ông Nguyễn Đồng Kh và bà Lưu Thị O phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Trương Ngọc Qu số tiền 103.278.515 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm mười lăm đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Qu đối với số tiền vốn yêu cầu ông Kh, bà O trả 47.000.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đồng Kh và bà Lưu Thị O nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.163.925 đồng (*Năm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng*).

Công ty TNHH Trương Ngọc Qu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Trương Ngọc Qu số tiền 4.778.300 đồng (*Bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm đồng*) theo biên lai số 0003085 ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng